

Số: 45 /NQ-HĐND

Thanh Trì, ngày 17 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương
huyện Thanh Trì năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3477/QĐ-UBND, ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;

Xét Báo cáo số 333/BC-UBND, ngày 13 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Thanh Trì về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách địa phương huyện Thanh Trì năm 2021 và dự toán ngân sách huyện Thanh Trì, phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2022; Tờ trình số 2266/TTr-UBND, ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện, ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương huyện Thanh Trì năm 2022, như sau:

I. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022 huyện Thanh Trì: 418.856 triệu đồng, trong đó:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 29.300 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp: 26.620 triệu đồng, bao gồm:

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: 11.000 triệu đồng, trong đó: thuế tài nguyên: 60 triệu đồng; thuế tiêu thụ đặc biệt: 70 triệu đồng (ngân sách tỉnh hưởng 100%).

+ Thuế giá trị gia tăng: 8.670 triệu đồng

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp: 2.200 triệu đồng

- Lệ phí trước bạ: 7.000 triệu đồng.



- Thu phí, lệ phí : 1.900 triệu đồng, trong đó thu phí, lệ phí huyện xã: 950 triệu đồng
- Thu tiền sử dụng đất: 4.000 triệu đồng, trong đó: ngân sách tỉnh hưởng 40%: 1.600 triệu đồng, ngân sách huyện hưởng 60%: 2.400 triệu đồng.
- Thuế thu nhập cá nhân : 5.000 triệu đồng.
- Thu khác : 400 triệu đồng.

2. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 392.236 triệu đồng, bao gồm:

- Thu bổ sung cân đối: 356.030 triệu đồng;
- Thu bổ sung có mục tiêu: 36.206 triệu đồng.

II. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022 huyện Thạnh Trị: 418.856 triệu đồng, trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách: 382.650 triệu đồng

- Chi xây dựng cơ bản theo phân cấp: 24.409 triệu đồng (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*)
- Chi thường xuyên: 350.738 triệu đồng (bao gồm: kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên, để tạo nguồn chi cải cách tiền lương 4.251 triệu đồng)
- Dự phòng ngân sách: 7.503 triệu đồng.

2. Chi bổ sung có mục tiêu của tỉnh: 36.206 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư xây dựng từ nguồn từ nguồn xổ số kiến thiết : 36.020 triệu đồng (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*)
- Vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông: 186 triệu đồng.

Điều 2.

1. Giao UBND huyện tập trung điều hành dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022 đúng theo quy định. Giữa 2 kỳ họp, nếu có vấn đề phát sinh, điều chỉnh dự toán chi ngân sách, đặc biệt là vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoặc được bổ sung vốn cho những nhiệm vụ cụ thể (không thuộc nhiệm vụ nêu tại Điều 1 Nghị quyết này), UBND huyện quyết định phân bổ, sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu của nguồn phát sinh và báo cáo với HĐND huyện trong kỳ họp giữa năm 2022.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị khóa XII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND+UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH- HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT. Huyện uỷ +TT.UBND huyện;
- TV.UBND huyện;
- Đ/b HĐND huyện;
- TT.HĐND+UBND các xã (TT);
- Lưu VT, VP.



CHỦ TỊCH

Sơn Sương

PHỤ LỤC 1
BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2022

(Ban hành kèm Nghị quyết số **17/NQ-HĐND**, ngày **12/12/2021** của HĐND huyện Thanh Trì)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU	Tổng thu tỉnh giao	Tổng thu huyện giao	Tỷ lệ % phân chia	Tổng thu ngân sách huyện hưởng
	TỔNG SỐ				418.856
I	Thu NSNN trên địa bàn	29.300	29.300		26.620
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	11.000	11.000		10.870
	- Thuế giá trị gia tăng	8.670	8.670	100%	8.670
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.200	2.200	100%	2.200
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	70	70	0%	
	- Thuế tài nguyên	60	60	0%	
	- Thu khác	0	0	100%	0
2	Lệ phí trước bạ	7.000	7.000	100%	7.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	0	100%	0
4	Thu phí và lệ phí	1.900	1.900		950
	trong đó cấp huyện và các xã, thị trấn	950	950	100%	950
5	Thu tiền sử dụng đất	4.000	4.000	60%	2.400
6	Thu tiền thuê đất	0	0	100%	0
7	Thuế thu nhập cá nhân	5.000	5.000	100%	5.000
8	Thu khác ngân sách	400	400	100%	400
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	392.236	392.236		392.236
1	Bổ sung cân đối	356.030	356.030		356.030
2	Bổ sung có mục tiêu	36.206	36.206		36.206

TỔNG HỢP TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH HUYỆN THANH TRỊ NĂM 2022

(Tiết kiệm 10% chi thường xuyên, để tạo nguồn cải cách tiền lương)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND, ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Thanh Trị)

Đvt: triệu đồng

STT	NỘI DUNG CHI	Kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
I	Cấp huyện	3.951	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	492	
1.1	<i>Kinh phí chính trang đô thị</i>	200	
1.2	<i>Sự nghiệp giao thông</i>	50	
1.3	<i>Sự nghiệp nông lâm thủy</i>	120	
1.4	<i>Sự nghiệp khuyến công</i>	10	
1.5	<i>Sự nghiệp kinh tế khác</i>	112	
2	Chi sự nghiệp giáo dục	1.657	
3	Chi sự nghiệp môi trường	238	
4	Sự nghiệp Văn hoá Thông tin	60	
5	Đài Truyền thanh	47	
6	Sự nghiệp thể thao	60	
7	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	320	
6.1	<i>Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị</i>	50	
6.2	<i>Trung tâm Dạy nghề và giáo dục thường xuyên</i>	70	
6.3	<i>Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp huyện</i>	100	
6.4	<i>Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp xã và hợp tác xã</i>	100	
7	Sự nghiệp y tế (cấp về TTYT huyện)	142	
8	Chi Quản lý Hành chính	755	
8.1	Kinh phí Khối Đảng	185	
8.2	Đoàn thể	145	
	1. Ủy ban mặt trận tổ quốc huyện	25	
	2. Đoàn thanh niên Cộng sản HCM huyện	30	
	3. Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	25	
	4. Hội Nông dân huyện	25	
	5. Hội Cựu chiến binh huyện	20	
	6. Hội Chữ thập đỏ	20	
8.3	Chi quản lý nhà nước	425	
	1. Văn Phòng Hội đồng nhân dân và UBND	85	
	2. Phòng Nông nghiệp và PTNT	40	
	3. Phòng Tư pháp	20	
	4. Phòng Kinh tế và Hạ tầng	30	
	5. Phòng Tài chính - Kế hoạch	40	
	6. Phòng Giáo dục và Đào tạo	45	
	7. Phòng Dân Tộc	15	
	8. Phòng Lao động TB và XH	30	
	9. Phòng Văn hoá Thông tin	30	
	10. Phòng Tài nguyên và Môi trường	30	
	11. Thanh tra	25	
	12. Phòng Nội vụ	35	
9	Chi khác ngân sách	70	
10	Chi an ninh	10	
11	Chi quốc phòng	100	
II	Cấp xã (Chi ngân sách xã)	300	
	Tổng cộng	4.251	



PHỤ LỤC 2

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THANH TRỊ NĂM 2022

(Bao gồm ngân sách cấp huyện và bổ sung ngân sách cấp dưới)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND, ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Thanh Trị)

STT	Nội dung chi/đơn vị	Dự toán tỉnh giao năm 2022	Dự toán huyện giao năm 2022
A	TỔNG CHI (trong cân đối)	382.650	382.650
I	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN (*) (chi tiết theo danh mục đính kèm)	24.409	24.409
1	Vốn XDCB theo phân cấp	22.009	22.009
2	Từ nguồn sử dụng đất	2.400	2.400
	Trong đó trích lập Quỹ phát triển đất và thực hiện dự án xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính (40%)	0	0
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	350.738	350.738
1	Chi sự nghiệp kinh tế		43.327
1.1	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính		13.000
	- Sự nghiệp kiến thiết thị chính thường xuyên		2.000
	-Kinh phí chính trang đô thị		11.000
1.2	Sự nghiệp giao thông		500
1.3	Sự nghiệp nông lâm thủy		1.200
1.4	Sự nghiệp khuyến công		100
1.5	Sự nghiệp kinh tế khác		1.707
1.6	Kinh phí bảo vệ đất trồng lúa		21.820
1.7	Kinh phí quy hoạch		5.000
2	Chi sự nghiệp môi trường	2.380	2.380
3	Chi sự nghiệp giáo dục	188.708	188.708
4	Chi sự nghiệp đào tạo - dạy nghề	4.827	4.827
4.1	Trung tâm Chính trị		1.179
4.2	Trung tâm Dạy nghề và GD thường xuyên		1.648
4.3	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp huyện		1.000
4.4	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp xã và hợp tác xã		1.000
5	Sự nghiệp y tế (cấp về TTYT huyện)		1.428
6	Sự nghiệp Văn hóa Thông tin		1.359
7	Sự nghiệp Thể dục Thể thao		619

STT	Nội dung chi/đơn vị	Dự toán tỉnh giao năm 2022	Dự toán huyện giao năm 2022
8	Đài Truyền thanh		1.072
9	Chi đảm bảo xã hội		19.605
10	Chi khác ngân sách		746
11	Chi Quản lý Hành chính		37.042
11.1	Kinh phí Đảng		9.940
11.2	Đoàn thể		5.226
	1. Ủy ban MTTQ huyện		988
	2. Đoàn thanh niên Cộng sản HCM huyện		944
	3. Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện		939
	4. Hội Nông dân huyện		953
	5. Hội Cựu chiến binh huyện		589
	6. Hội Chữ Thập đỏ		509
	7. Các hội		304
7.1	Hội khuyến học		73
7.2	Hội Dioxin		73
7.3	Hội Người cao tuổi		73
7.4	Hội chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày		73
7.5	Hội Luật gia		6
7.6	Hội Đông y		6
11.3	Chi quản lý nhà nước		18.784
	1. Văn Phòng Hội đồng nhân dân và UBND		5.806
	2. Phòng Nông nghiệp và PTNT		1.321
	3. Phòng Tư pháp		587
	4. Phòng Kinh tế và Hạ tầng		1.005
	5. Phòng Tài chính - Kế hoạch		1.529
	6. Phòng Giáo dục và Đào tạo		1.660
	7. Phòng Dân tộc		420
	8. Phòng Lao động TB và XH		1.145
	9. Phòng Văn hoá và Thông tin		1.095

STT	Nội dung chi/đơn vị	Dự toán tỉnh giao năm 2022	Dự toán huyện giao năm 2022
	10. Phòng Tài nguyên và Môi trường		1.005
	11. Thanh tra		863
	12. Phòng Nội vụ		2.348
11.4	Phụ cấp HĐP HĐND		929
11.5	Các khoản không khoán		1.963
11.6	Chi hoạt động Ban an toàn giao thông		
11.6	Chi ứng dụng công nghệ thông tin		200
12	Chi ngân sách xã	47.042	47.607
13	Chi an ninh trật tự		305
14	Chi quốc phòng		1.713
15	Tiết kiệm 10% để chi cải cách tiền lương		
III	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	7.503	7.503
B	Bổ sung có mục tiêu	36.206	36.206
	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn xổ số kiến thiết	36.020	36.020
1.1	Xây dựng phòng học Trường Tiểu học Hưng Lợi, thị trấn Hưng Lợi	9.095	9.095
1.2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Phú Lộc 2, thị trấn Phú Lộc	7.925	7.925
1.3	Trường Tiểu học Thạnh Tân 2, Thạnh Trị 1, Lâm Kiết, huyện Thạnh Trị	9.000	9.000
1.4	Trường Tiểu học Thạnh Tân 1, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị	10.000	10.000
2	Vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	10.000	10.000
2	Vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	186	186
TỔNG CỘNG		418.856	418.856

* Ghi chú: Dự toán chi ngân sách nêu trên chưa trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên đối với tất cả các đơn vị.